

CÔNG TY CP CAO SU XUÂN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2022

(Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Thẩm Định Giá Quốc Tế)

A- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM 2022	NĂM 2021
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	136.176.769.664	113.015.009.589
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.165.060.814	2.994.748.130
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	120.427.862.413	33.127.706.904
4	Hàng tồn kho	12.565.365.036	72.422.697.816
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.018.481.401	4.469.856.739
II	Tài sản dài hạn	90.913.839.217	87.667.065.673
1	Các khoản phải thu dài hạn		0
2	Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	6.105.677.120	6.884.102.378
	- Tài sản cố định vô hình		0
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
3	Bất động sản đầu tư		0
4	Tài sản dở dang dài hạn	83.399.408.198	80.335.812.500
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		0
6	Tài sản dài hạn khác	1.408.753.899	447.150.795
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I + II)	227.090.608.881	200.682.075.262
IV	Nợ phải trả	199.879.191.676	141.242.919.360
1	Nợ ngắn hạn	199.215.989.694	140.579.717.378
2	Nợ dài hạn	663.201.982	663.201.982
V	Vốn chủ sở hữu	27.211.417.205	59.439.155.902
1	Vốn chủ sở hữu	311.070.660.000	311.070.660.000
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	0	0
	- Thặng dư vốn cổ phần		0
	- Chênh lệch tỷ giá		0
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(283.859.242.795)	(251.631.504.098)
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (IV + V)	227.090.608.881	200.682.075.262



B- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	NỘI DUNG	Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.348.525.000	102.082.599.582
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ (1-2)	179.348.525.000	102.082.599.582
4	Giá vốn hàng bán	207.340.471.526	105.882.847.162
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3-4)	(27.991.946.526)	(3.800.247.580)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.539.072.807	1.027.315.112
7	Chi phí tài chính	5.217.099.827	2.531.290.931
8	Chi phí bán hàng	609.105.250	140.043.380
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.205.703.087	4.545.835.859

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (5+6-7-8-9)	(32.484.781.883)	(9.990.102.638)
11	Thu nhập khác	9.404.748.667	1.995.920.482
12	Chi phí khác	9.147.705.481	1.962.184.932
13	Lợi nhuận khác (11-12)	257.043.186	33.735.550
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (10+13)	(32.227.738.697)	(9.956.367.088)
15	Thuế TNDN	-	-
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN (14-15)	(32.227.738.697)	(9.956.367.088)
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.036)	(320)

III- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2022	NĂM 2021	ĐVT
1	Hệ số Cơ cấu tài sản			
	- Tỷ lệ đầu tư Tài sản ngắn hạn (TS ngắn hạn/ Tổng Tài sản)	59,97	56,32	%
	- Tỷ lệ đầu tư Tài sản dài hạn (TS dài hạn/ Tổng TS)	40,03	43,68	%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ (Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn)	88,02	70,38	%
	- Hệ số vốn chủ sở hữu (Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn)	11,98	29,62	%
3	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán tức thời (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	0,01	0,02	lần
	- Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	0,62	0,29	lần
	- Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	0,68	0,80	lần
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS=Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần)	-5,57	-10,25	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA=Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân)	-15,07	-1,55	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE=Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	-10,36	-3,20	%

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Đức





Số: 19/12/2022/ BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Xuân Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Xuân Lộc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 8.4 – Thông tin về khả năng hoạt động liên tục: Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 136.176.769.664 VND và tổng nợ ngắn hạn là 199.215.989.694 VND. Trong ngắn hạn Công ty có thể gặp khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính này.



DƯƠNG VĂN THIỆU

Phó Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 5353 - 2020 - 283 - 1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

THIỆU SỸ MINH

Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 5243 - 2020 - 283 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU XUÂN LỘC

Số 267 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		136.176.769.664	113.015.009.589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.165.060.814	2.994.748.130
1. Tiền	111	5.1	1.165.060.814	2.994.748.130
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.427.862.413	33.127.706.904
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.445.451.432	216.186.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	20.000.000	1.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	103.985.286.325	30.525.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.977.124.656	2.385.020.604
IV. Hàng tồn kho	140		12.565.365.036	72.422.697.816
1. Hàng tồn kho	141	5.6	12.565.365.036	72.422.697.816
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.018.481.401	4.469.856.739
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	432.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.018.481.401	4.028.407.070
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	-	9.449.669
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.913.839.217	87.667.065.673
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.105.677.120	6.884.102.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	6.105.677.120	6.884.102.378
- Nguyên giá	222		16.801.226.531	15.767.063.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.695.549.411)	(8.882.961.190)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		83.399.408.198	80.335.812.500
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	83.399.408.198	80.335.812.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.408.753.899	447.150.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.408.753.899	447.150.795
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		227.090.608.881	200.682.075.262

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU XUÂN LỘC

Số 267 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		199.879.191.676	141.242.919.360
I. Nợ ngắn hạn	310		199.215.989.694	140.579.717.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	128.650.242.477	81.553.554.570
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	3.250.735.348	3.961.911.375
3. Phải trả người lao động	314		5.218.366.686	2.200.439.495
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	6.224.265.678	1.761.560.445
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	5.172.379.505	4.975.390.390
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	50.700.000.000	46.126.861.103
II. Nợ dài hạn	330		663.201.982	663.201.982
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	663.201.982	663.201.982
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.211.417.205	59.439.155.902
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	27.211.417.205	59.439.155.902
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.070.660.000	311.070.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		311.070.660.000	311.070.660.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(283.859.242.795)	(251.631.504.098)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(251.631.504.098)	(241.675.137.010)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(32.227.738.697)	(9.956.367.088)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227.090.608.881	200.682.075.262

Nguyễn Phúc Tín

Trần Văn Hiệu



Nguyễn Ngọc Đức

Người lập biểu
Nguyễn Phúc Tín
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Trần Văn Hiệu

Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU XUÂN LỘC

Số 267 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	179.348.525.000	102.082.599.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		179.348.525.000	102.082.599.582
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	207.340.471.526	105.882.847.162
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(27.991.946.526)	(3.800.247.580)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.539.072.807	1.027.315.112
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.217.099.827	2.531.290.931
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.867.212.939	2.028.931.819
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	609.105.250	140.043.380
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.205.703.087	4.545.835.859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(32.484.781.883)	(9.990.102.638)
11. Thu nhập khác	31	6.7	9.404.748.667	1.995.920.482
12. Chi phí khác	32	6.8	9.147.705.481	1.962.184.932
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		257.043.186	33.735.550
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(32.227.738.697)	(9.956.367.088)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(32.227.738.697)	(9.956.367.088)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(1.036)	(320)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(4.036)	(320)

Nguyễn Phúc Tín

Người lập biểu
Nguyễn Phúc Tín
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

Trần Văn Hiệu

Kế toán trưởng
Trần Văn Hiệu



Nguyễn Ngọc Đức

Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU XUÂN LỘC

Số 267 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

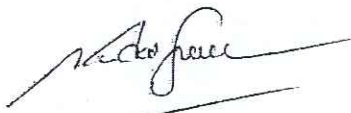
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(32.227.738.697)	(9.956.367.088)
2. Điều chỉnh cho các khoản		(6.071.623.165)	2.614.548.763
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	1.812.588.221	1.612.932.056
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.751.424.325)	(1.027.315.112)
- Chi phí lãi vay	06	4.867.212.939	2.028.931.819
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(38.299.361.862)	(7.341.818.325)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.231.827.171)	61.110.902.383
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	59.857.332.780	(56.591.427.700)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.915.470.245	8.993.149.552
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(529.603.104)	(520.186.567)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(404.507.706)	(2.018.484.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.307.503.182	3.632.134.763
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.891.162.720)	(3.240.717.990)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	9.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(104.105.286.325)	(30.525.500.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.056.333.325	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.229.786.325	226.090.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(67.710.329.395)	(33.540.127.257)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	63.000.000.000	48.826.861.103
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.426.861.103)	(17.652.448.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.573.138.897	31.174.412.419
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.829.687.316)	1.266.419.925
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.994.748.130	1.728.328.205
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.165.060.814	2.994.748.130



Người lập biểu
Nguyễn Phúc Tín
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng
Trần Văn Hiệu



Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Đức